

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/DS-ST
 Ngày 26/11/2019
*V/v Tranh chấp Hợp đồng
 vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức hỷ và bà Võ Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2019/TLST-DS ngày 09/9/2019 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-DS ngày 29/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1969; Địa chỉ: Bon B R, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Bà Bùi Thị S, sinh năm 1973; Địa chỉ: Bon B R, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan: ông Hồ Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Bon B R, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30/5/2018 tôi có cho bà Bùi Thị S vay số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) với lãi suất là 2%/ tháng, thời hạn bà S phải trả cho tôi số tiền là ngày 30/5/2019 dương lịch. Hai bên có làm giấy biên nhận vay

tiền viết tay. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán, bà S không thanh toán số tiền trên cho tôi mặc dù tôi đã sang nhà hối thúc bà S nhiều lần.

Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị S phải trả số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) tiền gốc và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Bùi Thị S trình bày trình bày: Tôi thừa nhận có nợ số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) và có làm giấy biên nhận vay tiền viết tay như bà Ng trình bày. Tuy nhiên, đây là khoản nợ của riêng của cá nhân tôi, không liên quan gì đến (chồng của tôi); số tiền tôi vay của bà Ng thì tôi đã cho người khác vay đến hiện tại tôi cũng chưa lấy được nợ nên tôi chưa trả tiền cho bà Ng theo giấy vay tiền giữa tôi và bà Ng đã ký với nhau. Nay bà Ng khởi kiện thì tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ng nhưng đề nghị bà Ng tạo điều kiện cho tôi khi nào tôi lấy được nợ thì tôi trả cho bà Ng;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Hồ Văn T đồng ý với lời trình bày của bà Ng yêu cầu bà S trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho vợ chồng tôi;

Phản tranh luận tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền gốc 190.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi xét xử (Trong hạn và quá hạn); Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng. Buộc bà Bùi Thị S phải trả số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật cho bà Ng và ông T.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Buộc bà Bùi Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lên làm việc; Tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải với các bên đương sự là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà S vắng mặt không có lý do, bà Ng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đã thông báo kết quả về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và Tòa án ban hành quyết định đưa ra xét xử và đã tổng đạt cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà Bùi Thị S vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn xét xử vắng mặt bà Bùi Thị S theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Bùi Thị S cư trú tại Bon B R, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Ng yêu cầu bà S phải trả cho bà số tiền gốc là 190.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa bà Ng và bà S theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 30/5/2018 (dương lịch) bà Ng cho bà S vay số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn thanh toán vào ngày 30/5/2019 (dương lịch). Hai bên có làm giấy biên nhận vay tiền viết tay. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán bà S không thanh toán số tiền trên cho bà Ng nên bà Ng mới làm đơn khởi kiện yêu cầu bà S phải trả số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

Nhận định của Hội đồng xét xử:

[1] Về giấy biên nhận vay tiền bằng giấy viết tay giữa hai bên lập ngày 30/5/2018 dương lịch; các bên nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận có giao dịch và thực hiện hợp đồng vì vậy hợp đồng này là có thật, đã thực hiện trên thực tế.

Bà Bùi Thị S thừa nhận vay tiền của bà Phạm Thị Ng với số tiền gốc là 190.000.000 đồng và có thỏa thuận lãi suất là 2% / tháng nhưng do bà S chưa lấy được nợ của người khác nên bà S có trình bày khi nào lấy được nợ thì trả; nguyên đơn bà Ng và người liên quan không đồng ý và yêu cầu bà S phải trả ngay số tiền này và

lãi suất theo quy định của pháp luật; Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án mới ban hành quyết định xét xử để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Giữa bà Ng và bà S có thỏa thuận và viết giấy biên nhận vay tiền với nhau. Bà Ng đã giao đủ tiền cho bà S. Quá trình thực hiện giao dịch các đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký kết, thỏa thuận hợp đồng.

[3] Căn cứ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản (giấy biên nhận vay tiền) đề ngày 30/5/2018 thì bà S có nghĩa vụ thanh toán đủ số tiền 190.000.000 đồng trên cho bà Ng vào ngày 30/5/2019 dương lịch và lãi suất.

[4] Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Ng đều thừa nhận số tiền 190.000.000 đồng cho ông bà Bùi Thị S vay là tiền của hai vợ chồng bà; ông Hồ Văn T cũng trình bày tiền bà Ng trực tiếp cho bà Bùi Thị S vay là tài sản chung của ông bà nên Tòa án đưa ông Hồ Văn T vào tham gia với tư cách là người liên quan là có căn cứ;

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Ng yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn và quá hạn cho vợ chồng nguyên đơn: Cụ thể, lãi trong hạn là từ ngày 30/5/2018 đến ngày 30/05/2019 với thời hạn 12 tháng; lãi quá hạn kể từ ngày 01/6/2019 cho đến ngày xét xử ngày 26/11/2019 là 5 tháng 25 ngày. Còn khoản tiền lãi trên nợ lãi chưa trả nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền này mà chỉ yêu cầu tính lãi trong hạn và lãi suất hạn đến thời điểm xét xử mà bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Nên HĐXX chỉ xem xét để tính lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 mà nguyên đơn yêu cầu. Do các đương sự không thỏa về tiền lãi và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định nên Tòa án áp dụng Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi trên số nợ gốc là 190.000.000 đồng cụ thể như sau:

+ Lãi trong hạn : $190.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm = 38.000.000 \text{ đồng}$ (Ba mươi tám triệu đồng);

+ Lãi quá hạn: $190.000.000 \text{ đồng} \times 150 \times 20\% / 360 \times 05 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 27.708.000 \text{ đồng}$ (làm tròn) (Hai mươi bảy triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng)

Tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 65.708.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng)

Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T Đ là có cơ sở nên cần chấp nhận;

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng; buộc bà Bùi Thị S phải trả cho bà Ng và ông T số tiền gốc và tiền lãi suất là 255.708.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng).

[6] Về án phí: Bị đơn bà Bùi Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 357; Điều 463, Điều 465, Điều 466; Điểm b khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ng đối với bà Bùi Thị S;

1. Buộc bà Bùi Thị S phải trả cho bà Phạm Thị Ng và ông Hồ Văn T số tiền là 255.708.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng); tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 26/11/2019 là 65.708.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng)

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án. *(Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự)*

2. Về án phí DSST là 12.785.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Buộc bà Bùi Thị S phải nộp số tiền là 12.785.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Phạm Thị Ng số tiền 4.750.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002624 ngày 03/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T Đ;
- Lưu hồ sơ.

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân